

Bản án số: 248/2020/HNGĐ-ST
Ngày 23-11-2020
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Ông Nguyễn Văn Hiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 23 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 486/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020, về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 475/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Phương T, sinh năm 1975; cư trú tại: Ấp HHT, xã NC, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Phương B, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp HHT, xã NC, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Huỳnh Phương T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh B chung sống với nhau vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống anh chị thường xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Thời gian gần đây, anh B thường xuyên chửi và dùng dao đâm chị và còn nói chị làm đơn ly hôn anh B sẽ ký. Chị yêu cầu được ly hôn anh B.

- Về con chung: Chị và anh B có 2 con chung tên Trần Anh D, sinh năm 1996 và Trần Tường D, sinh năm 1999, hiện nay 02 người con đều trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Căn nhà anh chị đang ở và các vật dụng trong nhà. Chị yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Không có.

Anh Trần Phương B trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất lời trình bày của chị T về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, hôn nhân tự nguyện. Anh B xác định nguyên nhân mâu thuẫn do chị T thường xuyên nhậu, anh thừa nhận có chửi, dùng dao đâm và có nói chị T làm đơn ly hôn anh sẽ ký nhưng do trong lúc nóng giận. Anh không đồng ý ly hôn chị T.

- Về con chung: Anh chị có 2 con chung theo chị T trình bày là đúng. Hiện nay 02 người con đều trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Phương B đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh B là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh B chung sống với nhau vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, hôn nhân tự nguyện và đã được cấp giấy chứng đăng ký kết hôn theo đúng quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Xét nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị T và anh B trình bày trong quá trình chung sống anh B có chửi, dùng dao đâm và nói chị T làm đơn ly hôn anh B sẽ ký nhưng anh B xác định do trong lúc nóng giận mới có hành vi như vậy. Anh B không đồng ý ly hôn chị T nhưng không đưa ra được biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, anh B đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, còn chị T xác định không còn tình cảm và cương quyết ly hôn anh B.

Xét mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Dó đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị T được ly hôn anh B.

[3] Về con chung: Chị T và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung vì hai con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị T và anh B yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về nợ: Chị T và anh B xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 53 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Huỳnh Phương T, cho chị Huỳnh Phương T được ly hôn anh Trần Phương B.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Phương T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0011168 ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Huỳnh Phương T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Phương B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- UBND xã TT, huyện ĐD;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng